

CÔNG TY TNHH CÔNG TY TNHH SAINET NATURE VIETNAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG TY TNHH SAINET NATURE VIETNAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAINET NATURE VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SEN VN Co. Ltd

2. Mã số doanh nghiệp: 0110641912

3. Ngày thành lập: 07/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

92B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969.705.779

Fax:

Email: htthuyduong@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn bao bì bằng giấy, bìa	4669
12.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
13.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
14.	Khai thác và thu gom than cứng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	0510
15.	Khai thác và thu gom than non (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	0520

16.	Khai thác quặng sắt (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	0710
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
19.	Giáo dục nhà trẻ (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	8511
20.	Giáo dục mẫu giáo (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	8512
21.	Giáo dục tiểu học (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	8521
22.	Giáo dục trung học cơ sở (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	8522
23.	Giáo dục trung học phổ thông (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	8523
24.	Đào tạo sơ cấp (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	8531
25.	Đào tạo trung cấp (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	8532

26.	Đào tạo cao đẳng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	8533
27.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Loại trừ CBL chuyên biệt. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	9311
28.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
30.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
33.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
34.	Cho thuê xe có động cơ	7710
35.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	0810
36.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	0899
37.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
38.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
40.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
41.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
42.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa Chi tiết: sản xuất bao bì bằng giấy, bìa (trừ sản xuất bột giấy và tái chế phế thải tại trụ sở)	1701
43.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
44.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
45.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
46.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

47.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
48.	Đúc sắt, thép	2431
49.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
50.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
51.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
52.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
53.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
54.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
55.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
56.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
57.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
58.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
59.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật) loại trừ hoạt động đấu giá tài sản	4791
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
61.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
62.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong loại khác	5210
64.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
67.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hoạt động theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp)	5510
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
69.	Đại lý du lịch	7911
70.	Điều hành tua du lịch	7912
71.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
72.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
73.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
74.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
75.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

76.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
77.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
78.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
79.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
80.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
81.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
82.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
83.	Thu gom rác thải độc hại	3812
84.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
86.	Xây dựng nhà để ở	4101
87.	Xây dựng nhà không để ở	4102
88.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
89.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
90.	Xây dựng công trình điện	4221
91.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
92.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
93.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
94.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
95.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 5.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: HOÀNG THỦY DƯƠNG

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 08/12/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184031581

Ngày cấp: 15/05/2023

Nơi cấp: Cục CS QLHC về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 92B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 92B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG THÙY DƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184031581

Ngày cấp: 15/05/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 92B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 92B Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội